

## Bài 20 TỪ CHÚ BỔ CÂU ĐẾN IN-TƠ-NÉT (6 tiết)

### I MỤC TIÊU

1. a. Đọc đúng, rõ ràng một VB thông tin ngắn, biết ngắt hơi ở chỗ có dấu câu.  
b. Biết trả lời câu hỏi về chi tiết nổi bật của VB như vì sao, bằng cách nào trả lời được VB viết về cái gì và có những thông tin nào đáng chú ý dựa vào gợi ý.
2. Nghe – viết đúng chính tả một đoạn văn ngắn; làm đúng các BT chính tả phân biệt *eo/ oe, l/ n, ên/ ênh*.
3. Phát triển vốn từ về giao tiếp, kết nối; sử dụng đúng *dấu phẩy, dấu chấm*.
4. Tìm đọc được sách, báo, bản hướng dẫn về một đồ dùng trong gia đình.
5. Phát triển kĩ năng viết đoạn văn tả một đồ dùng trong gia đình.

### II CHUẨN BỊ

#### 1. Kiến thức ngữ văn

- Đặc điểm VB thông tin, nội dung chính trong VB và trình tự trình bày các sự việc, hiện tượng trong VB *Từ chú bổ câu đến in-tơ-nét*.
- Nghĩa của các từ ngữ khó trong VB (*in-tơ-nét, huấn luyện*) và cách giải thích nghĩa của những từ ngữ này.

#### 2. Kiến thức đời sống

Kiến thức về các phương tiện liên lạc khác nhau trong lịch sử cũng như các phương tiện được sử dụng phổ biến trong đời sống hằng ngày.

#### 3. Phương tiện dạy học

- Tranh minh hoạ có trong SHS được phóng to, hoặc máy tính có phần mềm phù hợp, máy chiếu, màn hình, bảng thông minh.
- GV có thể yêu cầu HS mang đến lớp ảnh chụp hoặc tranh vẽ, mô hình các phương tiện liên lạc như điện thoại, ti vi, tem thư, máy tính,... hoặc những cuốn sách giới thiệu về các phương tiện đó.

### III HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC

#### TIẾT 1 - 2

#### ÔN BÀI CŨ

HS nhắc lại tên bài học trước (*Cảm ơn anh hà mã*) và nói về một số điều thú vị mà HS học được từ bài học đó.

#### ĐỌC

##### 1. Khởi động

- GV khuyến khích HS kết nối với những trải nghiệm trong cuộc sống, kể lại được một tình huống trong đó HS phải xa người thân, không thể trao đổi trực tiếp.
- GV có thể đặt ra các câu hỏi gợi ý như: *Người thân của em là ai?; Em xa người ấy khi nào?; Khi xa người ấy, em có cảm xúc gì?; Làm thế nào để em có thể liên lạc với người ấy?;...*
- GV gọi 3 – 4 HS trả lời câu hỏi và giúp HS hoàn thiện câu trả lời.
- GV giúp HS tổng kết lại những thông tin thu thập được về những phương tiện liên lạc được sử dụng phổ biến trong đời sống, tác dụng của chúng đối với cuộc sống con người.

##### 2. Đọc văn bản

- GV hướng dẫn cả lớp:
- + GV giới thiệu: bài đọc nói về các cách trao đổi thông tin của con người từ xưa đến nay. Khi đọc, em lưu ý đến những đồ dùng, vật dụng con người sử dụng để liên lạc với nhau.
- + GV đọc mẫu toàn VB.
- + GV hướng dẫn kĩ cách đọc: Chú ý nhấn mạnh vào những từ chứa đựng những thông tin quan trọng nhất của VB như *trao đổi thông tin, bồ câu, chai thủy tinh, gọi điện, in-tơ-nét*. Ngắt giọng, nhấn giọng đúng chỗ. HS đọc thầm VB trong khi nghe GV đọc mẫu.
- + GV hướng dẫn HS luyện đọc những câu dài. (VD: *Nhờ có in-tơ-nét, / bạn cũng có thể / nhìn thấy / người nói chuyện với mình, / dù hai người / đang ở cách nhau / rất xa.;...*)
- + GV chia VB thành các đoạn (đoạn 1: từ đầu đến *khi ở xa*, đoạn 2: từ *Từ xa xưa* đến *mới được tìm thấy*; đoạn 3: phần còn lại).
- + GV hướng dẫn HS luyện phát âm một số từ ngữ có thể khó phát âm và dễ nhầm lẫn như *trò chuyện, trao đổi, huấn luyện, in-tơ-nét,...*
- + Một số HS đọc nối tiếp các đoạn, 2 lượt.
- + GV giải thích nghĩa của một số từ ngữ trong VB.

- HS đọc đoạn trong nhóm.
- Đọc cá nhân:
- + HS đọc toàn bộ bài đọc.
- + GV giúp đỡ những HS gặp khó khăn khi đọc bài, tuyên dương những HS đọc tiến bộ.

### 3. Trả lời câu hỏi

**Câu 1.** *Thời xưa, người ta đã gửi thư bằng những cách nào?*

- HS làm việc chung cả lớp:
- + GV nêu câu hỏi, nhắc HS đọc đoạn 1 và đoạn 2 để tìm câu trả lời.
- + GV gọi 2 - 3 HS trả lời câu hỏi.
- + GV thống nhất đáp án: Thời xưa, người ta huấn luyện bồ câu để đưa thư hoặc bỏ thư vào những chiếc chai thủy tinh.

**Câu 2.** *Vì sao có thể dùng bồ câu để đưa thư?*

- HS làm việc chung cả lớp:
- + GV nêu câu hỏi, nhắc HS đọc kĩ đoạn 1 để tìm câu trả lời.
- + GV gọi 2 - 3 HS trả lời câu hỏi.
- + GV thống nhất đáp án: Vì bồ câu nhớ đường rất tốt. Nó có thể bay qua một chặng đường dài hàng nghìn cây số để mang thư đến đúng nơi nhận.

**Câu 3.** *Ngày nay, chúng ta có thể trò chuyện với người ở xa bằng những cách nào?*

- HS làm việc chung cả lớp:
- + GV nêu câu hỏi, nhắc HS đọc kĩ đoạn cuối để tìm câu trả lời
- + GV gọi 2 - 3 HS trả lời câu hỏi.
- + GV thống nhất đáp án: Ngày nay, chúng ta có thể viết thư, gọi điện hoặc trò chuyện qua in-tơ-nét.

GV có thể đặt thêm câu hỏi: Ngoài những cách liên lạc trong bài đọc, em còn biết những cách nào khác nữa. GV cũng có thể chiếu lên bảng hình ảnh của những cách liên lạc khác xưa và nay như dùng ngựa để đưa thư, dùng lửa để làm tín hiệu liên lạc, trò chuyện qua các ứng dụng trên điện thoại di động,...

**Câu 4.** *Nếu cần trò chuyện với người ở xa, em chọn phương tiện nào? Vì sao?*

- Với câu hỏi số 4, GV có thể dự kiến trước các câu trả lời của HS: Em chọn liên lạc bằng điện thoại vì liên lạc bằng điện thoại rất tiện lợi và nhanh chóng./ Em chọn viết thư vì em có thể nói được nhiều điều và lưu giữ lại kỉ niệm./,...

– GV làm mẫu, VD: Cô thường gọi điện thoại cho bố mẹ ở quê vì cô muốn được nghe thấy giọng nói của bố mẹ cô.

Để hướng dẫn HS trả lời câu hỏi, GV có thể đưa ra các gợi ý: *Em có người thân hoặc bạn bè nào ở xa?; Em thường liên lạc với người đó bằng cách nào?; Em thích liên lạc với người đó bằng cách nào nhất? Vì sao?;...*

GV lắng nghe và ghi nhận các câu trả lời của HS và khen ngợi những HS có câu trả lời tốt.

#### 4. Luyện đọc lại

- GV đọc lại cả bài trước lớp.
- Một HS đọc lại cả bài. Cả lớp đọc thầm theo.

#### 5. Luyện tập theo văn bản đọc

**Câu 1.** Xếp các từ ngữ vào 2 nhóm:

a. Từ ngữ chỉ sự vật

b. Từ ngữ chỉ hoạt động

– HS làm việc nhóm:

+ GV nêu câu hỏi và chiếu hoặc dán các thẻ từ ngữ lên bảng, phát các thẻ từ ngữ cho HS các nhóm.

+ GV yêu cầu HS làm việc nhóm và sắp xếp các thẻ từ ngữ vào 2 nhóm, từ ngữ chỉ sự vật và từ ngữ chỉ hoạt động.

+ GV gọi đại diện HS lên bảng, sắp xếp các từ vào 2 nhóm. Các HS khác nêu nhận xét.

– GV thống nhất đáp án và khen những HS thực hiện tốt nhiệm vụ.

**Câu 2.** Nói tiếp để hoàn thành câu: *Nhờ có in-tơ-nét, bạn có thể (...).*

– HS làm việc chung cả lớp

+ GV nêu nhiệm vụ, HS suy nghĩ và nói tiếp để hoàn thành câu.

+ GV gọi 1 – 2 HS lên trình bày.

– GV lắng nghe, tôn trọng những ý tưởng khác nhau của HS và tổng kết lại những ý kiến phát biểu của cả lớp, nhấn mạnh công dụng của in-tơ-nét và nhắc nhở HS cách sử dụng in-tơ-nét an toàn, hiệu quả.

### TIẾT 3

#### VIẾT

#### 1. Nghe – viết

- GV đọc thành tiếng cả đoạn.
- GV lưu ý HS một số vấn đề chính tả trong đoạn viết.

+ Viết hoa chữ cái đầu câu, giữa các cụm từ trong mỗi câu có dấu phẩy, kết thúc câu có dấu chấm.

+ Chữ dễ viết sai chính tả: *in-tơ-nét, trao đổi, huấn luyện,...*

+ GV yêu cầu HS ngồi đúng tư thế, cầm bút đúng cách.

– Đọc và viết chính tả.

+ GV đọc từng câu cho HS viết. Những câu dài cần đọc theo từng cụm từ (*Con người/ có nhiều cách/ để trao đổi với nhau.// Từ xa xưa,/ người ta/ đã biết/ huấn luyện bồ câu đưa thư.// Những bức thư/ được buộc vào chân bồ câu.// Bồ câu/ nhớ đường rất tốt.// Nó có thể// bay qua một chặng đường dài/ hàng nghìn cây số/ để mang thư/ đến đúng nơi nhận.//*). Mỗi cụm từ đọc 2 – 3 lần. GV cần đọc rõ ràng, chậm rãi phù hợp tốc độ viết của HS.

– Sau khi đọc chính tả, GV đọc lại một lần cả đoạn văn và yêu cầu HS soát lỗi.

– HS đổi vở cho nhau để soát lỗi.

– GV kiểm tra bài tập viết của HS và chấm nhanh một số bài. GV nhận xét.

## 2. Tìm từ ngữ có tiếng chứa eo hoặc oe.

– Một HS đọc yêu cầu, cả lớp đọc thầm theo.

– GV chiếu một số từ ngữ có tiếng chứa vần *eo* hoặc *oe* lên bảng, VD: *con mèo, nhãn nheo, lập loè,...*

– HS làm việc nhóm đôi, tìm các từ ngữ có tiếng chứa vần *eo* hoặc *oe* và ghi các từ ngữ tìm được vào giấy màu (màu xanh: vần *eo*; màu vàng: vần *oe*).

– HS đọc to các từ ngữ có chứa vần *eo/ oe* mà mình đã tìm được.

– GV dán các từ ngữ HS tìm được lên bảng, nhận xét, chỉnh sửa cách viết để giúp HS viết đúng chính tả.

– GV hướng dẫn HS cách phân biệt và viết đúng 2 vần.

– HS viết các từ ngữ vào vở. GV kiểm tra và chấm mẫu một số bài của HS và lưu ý cả lớp.

## 3. Chọn a hoặc b.

a. Chọn *l* hoặc *n* thay cho ô vuông.

– Một HS đọc yêu cầu, cả lớp đọc thầm theo.

– GV chiếu/ dán đoạn thơ lên bảng.

– HS thảo luận nhóm đôi để tìm đáp án đúng.

– Đại diện một nhóm HS lên bảng điền *l* hoặc *n* vào ô trống. Các nhóm khác nhận xét.

– GV tổng kết đáp án đúng, dán lên bảng và đọc to đáp án:

Dòng sông mới điệu làm sao  
Nắng lên mặc áo lụa đào thướt tha

Trưa về trời rộng bao la  
Áo xanh sông mặc như là mới may.

- HS đọc đồng thanh đáp án trên bảng.
- b. *Tìm từ ngữ có tiếng chứa ên hoặc ênh.*
  - Một HS đọc yêu cầu, cả lớp đọc thầm theo.
  - GV chiếu các từ ngữ mẫu lên trên bảng, hướng dẫn HS phân biệt 2 vần.
  - HS làm việc nhóm, tìm các từ ngữ có tiếng chứa vần *ên* hoặc *ênh* và viết vào các tờ giấy màu xanh và vàng (mỗi vần một màu khác nhau).
  - Đại diện các nhóm HS dán các từ ngữ mình tìm được trên bảng và đọc to các từ.
  - GV nhận xét về kết quả làm việc của các nhóm, lưu ý những từ ngữ chưa chính xác.
  - HS đọc đồng thanh các từ ngữ có tiếng chứa vần *ên* hoặc *ênh* đã tìm được.

## TIẾT 4

### LUYỆN TỪ VÀ CÂU

#### 1. Tìm từ ngữ chỉ hoạt động của mỗi bạn nhỏ trong tranh.

- GV có thể sử dụng máy chiếu hoặc dán lên bảng phụ hình minh họa trong SHS để hướng dẫn HS thực hiện yêu cầu.
- GV gọi HS đọc to yêu cầu của bài.
- GV nêu nhiệm vụ. HS làm việc nhóm đôi để thực hiện nhiệm vụ.
- Một số (2 - 3) HS lên trình bày kết quả trước lớp.
- GV thống nhất câu trả lời đúng: hoạt động của các bạn nhỏ trong tranh 1 là đọc thư, tranh 2 là gọi điện thoại, tranh 3 là xem ti vi.
- Một số HS đọc to các từ ngữ. Sau đó, cả lớp đọc đồng thanh một số lần.

#### 2. Nói tiếp để hoàn thành câu nêu công dụng của đồ vật.

- GV viết hoặc chiếu yêu cầu BT lên bảng phụ.
- GV gọi HS đọc to yêu cầu của bài.
- GV yêu cầu HS làm việc nhóm đôi, nói tiếp để hoàn thành câu.
- GV gọi một số HS trình bày kết quả thảo luận. Các HS khác nhận xét và nêu đáp án của mình.
- GV tổng kết ý kiến của các nhóm, nhận xét về các đáp án của HS, thảo luận với HS cách tìm ra đáp án đúng.

GV dự kiến các đáp án đúng:

- Nhờ có điện thoại, em có thể nói chuyện với ông bà ở quê.
- Nhờ có máy tính, em có thể tìm thấy nhiều thông tin hữu ích.
- Nhờ có ti vi, em có thể xem được nhiều bộ phim hay.

### 3. Chọn dấu câu thích hợp cho mỗi ô vuông trong đoạn văn.

- GV gọi HS đọc to yêu cầu của BT.
- GV làm mẫu để hướng dẫn HS với câu *Ti vi là bạn của cả gia đình em*. Sau câu này ta thấy chữ *Bố* được viết hoa. Như vậy có thể đoán được dấu câu trước đó là dấu chấm, đánh dấu kết thúc một câu.
- GV hướng dẫn HS thảo luận nhóm đôi để thực hiện nhiệm vụ với các câu còn lại: Bạn thứ nhất đọc to các câu trong đoạn văn. Bạn thứ hai chọn dấu câu đúng để điền vào chỗ trống. Sau đó bạn thứ nhất lắng nghe và nhận xét, điều chỉnh.
- GV gọi một số HS trình bày về kết quả thảo luận của nhóm.
- GV viết hoặc chiếu đáp án đúng lên bảng: *Ti vi là bạn của cả gia đình em. Bố em thường thích xem thời sự, bóng đá. Mẹ em thích nghe nhạc, xem phim truyền hình. Còn em thích nhất là chương trình Thế giới động vật.*

## TIẾT 5 – 6

### LUYỆN VIẾT ĐOẠN

#### 1. Kể tên các đồ vật được vẽ trong tranh và nêu công dụng của chúng.

- GV cho HS quan sát tranh và kể tên các đồ vật trong tranh: quạt, ti vi, bàn, tủ lạnh, nồi cơm điện, máy tính,...
- GV viết tên các đồ vật mà HS tìm được lên bảng.
- GV gọi mỗi HS nói một câu nêu công dụng của đồ vật. GV có thể làm mẫu các cách nói về công dụng của đồ vật như: *Ti vi giúp em xem được nhiều bộ phim hay./ Nhờ có tủ lạnh, thức ăn có thể tươi lâu hơn./ Quạt điện có tác dụng làm mát không khí./...*
- GV tổng kết, nhấn mạnh các cách nói khác nhau về công dụng của đồ vật.

#### 2. Viết 4 – 5 câu tả một đồ dùng trong gia đình em.

- GV cho HS quan sát sơ đồ gợi ý trong SHS.
- HS làm việc nhóm đôi, trả lời các câu hỏi trong sơ đồ gợi ý và viết ra giấy nháp câu trả lời.
- GV gọi 1 – 3 nhóm HS trình bày kết quả thảo luận của mình và nhận xét, góp ý.
- HS viết nháp đoạn văn tả đồ vật.
- GV quan sát HS viết, hướng dẫn HS cách viết câu, sử dụng từ ngữ chính xác, hỗ trợ những HS gặp khó khăn trong việc viết.
- GV kiểm tra bài viết của một số HS trong lớp, nêu nhận xét, khen ngợi các HS viết tốt.

## ĐỌC MỞ RỘNG

### 1. Tìm đọc sách, báo hoặc bản hướng dẫn sử dụng một đồ dùng trong gia đình (tivi, máy tính, điện thoại,...).

- GV giới thiệu một cuốn sách hoặc tài liệu hướng dẫn sử dụng đồ dùng gia đình như hướng dẫn sử dụng nồi cơm điện, tivi, tủ lạnh,... và hướng dẫn HS cách tìm sách hoặc tài liệu ở thư viện, hiệu sách.
- GV giao nhiệm vụ cho HS khi đọc sách, lưu ý HS những điều sau: tên của đồ dùng được giới thiệu, cách sử dụng, công dụng của nó, hình ảnh minh họa và chú thích. Có thể thiết kế một phiếu đọc sách để HS điền thông tin thu thập được sau khi đọc.
- GV nêu rõ thời hạn hoàn thành và gợi ý một số hình thức sản phẩm HS có thể thực hiện sau khi đọc: một phiếu đọc sách, một ảnh chụp hoặc tranh vẽ đồ dùng trong gia đình.

### 2. Trao đổi với các bạn một số điều em mới đọc được.

- GV mang đến lớp một cuốn sách hoặc một tài liệu hướng dẫn để làm mẫu cho HS.
- GV hướng dẫn HS thảo luận dựa trên các câu hỏi: *Tên cuốn sách, hoặc tài liệu hướng dẫn em đọc được là gì?; Nó viết về đồ dùng nào?; Cách sử dụng đồ dùng đó như thế nào?; Công dụng của đồ dùng đó là gì?; Điều gì làm em thấy ấn tượng nhất trong cuốn sách, bài báo hoặc bản hướng dẫn?*
- GV gọi 3 – 4 HS lên chia sẻ về tài liệu sau khi đọc của mình và chia sẻ thông tin mình tìm hiểu được trong cuốn sách hoặc tài liệu hướng dẫn.
- GV tổng kết lại những thông tin HS đã chia sẻ.

### CÙNG CỐ

- GV yêu cầu HS nhắc lại những nội dung đã học.
- GV tóm tắt lại những nội dung chính HS đã thực hiện trong bài học:
  - + Đọc một VB về cách liên lạc.
  - + Viết bài chính tả và làm BT chính tả.
  - + Nhận biết từ ngữ chỉ hoạt động.
  - + Sử dụng đúng dấu chấm, dấu phẩy.
  - + Viết đoạn văn tả đồ dùng trong gia đình.
- GV tổng kết buổi học, tuyên dương các HS học tốt, động viên cả lớp cùng cố gắng.